

KHẢO SÁT KHU HỆ CHIM KHU DI TÍCH LỊCH SỬ MƯỜNG PHĂNG, HUYỆN ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

LÊ ĐÌNH THỦY

Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật

Khu di tích lịch sử (DTLS) Mường Phăng được quyết định là rừng cấm cần bảo vệ nghiêm ngặt theo Quyết định số 194/CT, ngày 09/8/1986 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Thủ tướng Chính phủ), diện tích 1.000 ha. Khu DTLS ở phía Đông Bắc huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên, cách thành phố Điện Biên 30 km về phía Đông Nam. Khu DTLS nằm sát hồ Pa Khoang liên kết thành hệ thống khu danh thắng rất thuận lợi cho du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng của tỉnh Điện Biên.

Trong những năm qua, Khu DTLS Mường Phăng chưa được quy hoạch chi tiết, nên việc đầu tư cho bảo vệ và phục hồi rừng còn nhiều khó khăn, rừng có nguy cơ bị tàn phá rất cao. Từ khi ban quản lý khu di tích được thành lập đến nay, mặc dù đã hoạt động tích cực, đạt được nhiều thành tích trong công tác bảo vệ rừng, nhưng lực lượng còn quá mỏng, chưa đủ sức để xóa bỏ được nạn khai thác trái phép gỗ và các lâm sản ngoài gỗ ở trong khu di tích. Nạn xâm lấn đất rừng làm ruộng, rẫy, nạn chặt phá rừng xảy ra thường xuyên, chất lượng rừng ngày càng xuống cấp.

Để góp phần bảo vệ cảnh quan, môi trường và nguồn tài nguyên rừng hiện còn của khu DTLS Mường Phăng cũng như khu vực hồ Pa Khoang, UBND tỉnh Điện Biên đã phê duyệt cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh thực hiện Dự án: “Quy hoạch phát triển rừng Di tích lịch sử, cảnh quan - môi trường Mường Phăng, xã Mường Phăng, huyện Điện Biên”. Các đợt khảo sát, điều tra thực địa đã được tiến hành vào các tháng 5, 8 và 10 năm 2010. Khảo sát, điều tra khu hệ chim là một trong các nội dung quan trọng của dự án. Qua thực hiện dự án, cơ sở các dữ liệu khoa học về hiện trạng tài nguyên rừng sẽ được tạo lập để đề xuất các giải pháp tổ chức, quản lý nhằm đạt được hiệu quả trong công tác bảo tồn di tích và phát triển bền vững tài nguyên rừng của khu DTLS Mường Phăng.

I. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Phương pháp nghiên cứu trên thực địa

1.1. Lập tuyến khảo sát trên thực địa

Tuyến 1: Xuất phát từ lán làm việc của Trường ban Tuyên truyền chiến dịch Điện Biên Phủ Hoàng Đạo Thúy, dọc theo suối vào nhà nghỉ của khu di tích, rẽ phải theo hướng Đông Nam tới thung lũng trồng lúa nước của dân bản Phăng, rẽ phải leo ngược dốc sang bản Tân Bình đến giữa đỉnh núi lại rẽ phải, đi trên giồng địa hình tương đối bằng phẳng theo hướng Đông Bắc về phía Ban Quản lý khu di tích. Chiều dài tuyến khoảng 6 km.

Tuyến 2: Xuất phát từ phía Đông Nam bản Phăng đi vào bản Khá, rẽ trái đi sang bản Tân Bình là bản sát với núi có rừng tiếp giáp với rừng của khu di tích về phía Đông Nam. Sau đó đi vòng lại theo hướng Tây Bắc đường ranh giới giữa bản Tân Bình với khu di tích và cứ thế đi theo mép chân núi về Ban Quản lý khu di tích. Chiều dài tuyến khoảng 7 km.

Tuyến 3: Xuất phát từ khu vực Ban Quản lý khu di tích đi theo hướng Đông Bắc vào bản Phăng mới (Phăng 2), đây là khu vực rừng tiếp giáp với khu di tích về phía Đông Bắc. Sau khi hết địa phận rừng của bản Phăng mới rẽ theo hướng Tây Nam đi theo đường ranh giới giữa rừng khu di tích với ruộng trồng lúa nước của dân bản Phăng về lại khu vực rừng của Trường ban Tuyên truyền Hoàng Đạo Thúy. Chiều dài tuyến khoảng 5 km.

1.2. Quan sát trực tiếp ngoài thiên nhiên

Các tuyến khảo sát đã được thiết lập trên các dạng sinh cảnh chính trong khu di tích Mường Phăng. Trên các tuyến quan sát phát hiện và xác định các dấu vết hoạt động của loài ngoài thiên nhiên, đồng thời quan sát trực tiếp các loài chim trong thiên nhiên bằng mắt thường và ống nhòm.

1.3. Sưu tầm mẫu vật

Thu thập lông, dấu vết, bới rác trong rừng kiếm thức ăn của chim trên thực địa, đồng thời thu thập các di vật khác của các loài chim còn lưu lại trong dân. Trực tiếp quan sát, kết hợp chụp ảnh các loài chim được nuôi ở các gia đình; tìm hiểu xuất xứ các loài này. Dùng lưới mờ mistnet có kích thước khác nhau: 12 m x 3 m; 9 m x 3 m, mắt lưới 1,5 cm x 1,5 cm để bắt những loài chim nhỏ di chuyển nhanh, khó phát hiện ở trong các bụi rậm. Các loài chim được thả lại thiên nhiên ngay sau khi xác định xong tên loài.

1.4. Phỏng vấn

Tiến hành phỏng vấn thông tin về các loài chim đã có trước đây ở khu di tích, trong thời gian gần đây và hiện nay. Tập trung phỏng vấn những người dân đang sống xung quanh khu di tích thuộc các bản Phăng, Tân Bình, bản Khá. Trao đổi trực tiếp với các cán bộ hiện đang làm công tác quản lý, hướng dẫn khách du lịch của Ban Quản lý khu DTLS. Sử dụng bộ ảnh chuẩn, hay những câu hỏi ngắn, gọn, dễ hiểu về những đặc điểm dễ nhận dạng của loài. Gặp gỡ người dân địa phương đang kiếm củi trong rừng để thu thập thông tin về các loài chim có mặt ở địa phương và tìm hiểu về nơi ở, tập tính hoạt động, thành phần thức ăn, sinh cảnh, ý nghĩa kinh tế của các loài đó.

2. Phương pháp nghiên cứu trong phòng thí nghiệm

2.1. Phân tích định loại

Định loại chim tại thực địa bằng sách định loại và nhận dạng có hình vẽ màu của Craig Robson [4]; Ben King [5]. Tham khảo Sách Chim Việt Nam [7]. Thành phần loài khu hệ chim được sắp xếp theo hệ thống phân loại của Richard Howard và Alick Moore [6].

2.2. Đánh giá các loài quý hiếm, có giá trị bảo tồn nguồn gen

Dựa vào các tài liệu sau: Mức độ đe dọa ở cấp toàn cầu ghi trong Danh lục Đỏ IUCN (2010); mức độ đe dọa ở cấp quốc gia ghi trong Sách Đỏ Việt Nam (2007) và Nghị định số 32/2006/NĐ-CP về “Danh mục thực vật rừng, động vật hoang dã quý, hiếm”: Nhóm IB: Nghiêm cấm khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại; Nhóm IIB: Hạn chế khai thác, sử dụng.

II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. Cấu trúc thành phần loài

Từ kết quả nghiên cứu tại thực địa và phỏng vấn nhân dân địa phương, chúng tôi đã thống kê được thành phần loài chim ở khu DTLS Mường Phăng có 77 loài, thuộc 36 họ và 16 bộ (Bảng 1).

Cấu trúc các bậc taxon khu hệ chim ở khu DTLS được thể hiện ở Bảng 2. Từ Bảng 2 cho thấy, thành phần loài chim ở khu DTLS Mường Phăng khá phong phú về số bộ và họ, riêng số lượng loài lại rất ít. So sánh về số bộ, họ cho thấy, bộ chiếm ưu thế nhất là bộ Sẻ Passeriformes với 19 họ (chiếm 52,77%), thứ hai là bộ Sếu Gruiformes, bộ Cắt Falconiformes, bộ Sả Coraciformes và bộ Gõ kiến Piciformes đều có 2 họ (chiếm 5,55%), các bộ còn lại chỉ có 1 họ (chiếm 6,25%).

Bảng 1

Danh lục chim ở khu DTLS Mường Phăng

TT	Tên khoa học	Tên phổ thông	Dạng thông tin	Độ phong phú	Phân bố
	I. Bộ Hạc	CICONIIFORMES			
	1. Họ Diệc	Ardeidae			
1.	Cò ruồi	<i>Bubulcus ibis</i>	QS	++	3,4
2.	Cò trắng	<i>Egretta garzetta</i>	QS	++	3,4
3.	Cò bợ	<i>Ardeola bacchus</i>	QS	++	3,4
4.	Cò xanh	<i>Butorides striatus</i>	QS	++	3,4
5.	Cò lừa	<i>Ixobrychus cinnamomeus</i>	QS	++	3,4
	II. Bộ Cắt	FALCONIFORMES			
	2. Họ Ưng	Accipitridae			
6.	Diều hoa miến điện	<i>Spilornis cheela</i>	QS	++	2,4
	3. Họ Cắt	Falconidae			
7.	Cắt nhỏ bụng trắng	<i>Microhierax melanoleucos</i>	QS	++	2,4
	III. Bộ Gà	GALLIFORMES			
	4. Họ Trĩ	Phasianidae			
8.	Đa đa	<i>Francolinus pintadeanus</i>	K	++	2,3
9.	Cay trung quốc	<i>Coturnix chinensis</i>	QS	++	2,3
10.	Gà rừng	<i>Gallus gallus</i>	K,PV	++	1,2
	IV. Bộ Sếu	GRUIFORMES			
	5. Họ Cun cút	Turnicidae			
11.	Cun cút lưng hung	<i>Turnix tanki</i>	QS	++	2,3
	6. Họ Gà nước	Rallidae			
12.	Cuốc ngực trắng	<i>Amaurornis phoenicurus</i>	QS	++	3,4
13.	Gà nước vằn	<i>Gallirallus striatus</i>	QS	++	3,4
	V. Bộ Rẽ	CHARADRIIFORMES			
	7. Họ Rẽ	Scolopacidae			
14.	Choắt bụng trắng	<i>Tringa ochropus</i>	QS	++	3,4
15.	Rẽ gà	<i>Scolopax rusticola</i>	QS	+	3,4
16.	Rẽ giun	<i>Gallinago gallinago</i>	QS	++	3,4
	VI. Bộ Bò câu	COLUMBIFORMES			
	8. Họ Bò câu	Columbidae			
17.	Cu gáy	<i>Streptopelia chinensis</i>	QS;K	++	4
18.	Cu luồng	<i>Chalcophaps indica</i>	QS	++	1,2
	VII. Bộ Vẹt	Psittaciformes			
	9. Họ Vẹt	Psittacidae			
19.	Vẹt ngực đỏ	<i>Psittacula alexandri</i>	PV	+	1
	VIII. Bộ Cu cu	CUCULIFORMES			
	10. Họ Cu cu	Cuculidae			
20.	Bất cô trôi cột	<i>Cuculus micropterus</i>	K	++	1,2,3

HỘI NGHỊ KHOA HỌC TOÀN QUỐC VỀ SINH THÁI VÀ TÀI NGUYÊN SINH VẬT LẦN THỨ 4

TT	Tên khoa học	Tên phổ thông	Dạng thông tin	Độ phong phú	Phân bố
21.	Tu hú	<i>Eudynamys scolopacea</i>	PV	++	1,2,3
22.	Phướn	<i>Rhopodytes tristis</i>	QS	++	1,2,3
23.	Bìm bịp nhỏ	<i>Centropus bengalensis</i>	QS	+	2,3
	IX. Bộ Cú	STRIGIFORMES			
	11. Họ Cú mèo	Strigidae			
24.	Cú vọ mặt trắng	<i>Glaucidium brodiei</i>	QS	+	1,2,3
	X. Bộ Cú muỗi	CAPRIMULGIFORMES			
	12. Họ Cú muỗi	Caprimulgidae			
25.	Cú muỗi đuôi dài	<i>Caprimulgus macrurus</i>	PV	++	1,2,3,4
	XI. Bộ Yến	APODIFORMES			
	13. Họ Yến	Apodidae			
26.	Yến núi	<i>Aerodramus brevirostris</i>	QS	+	1
	XII. Bộ Sả	CORACIIFORMES			
	14. Họ Bói cá	Alcedinidae			
27.	Bông chanh	<i>Alcedo atthis</i>	QS	++	3,4
28.	Sả đầu nâu	<i>Halcyon smyrnensis</i>	QS	++	3,4
	15. Họ Trâu	Meropidae			
29.	Trâu họng xanh	<i>Merops viridis</i>	QS	+++	3,4
	XIII. Bộ Gõ kiến	PICIFORMES			
	16. Họ Cu rúc	Capitonidae			
30.	Thầy chùa đầu xám	<i>Megalaima faiostriata</i>	QS,PV	++	1
	17. Họ Gõ kiến	Picidae			
31.	Gõ kiến nâu	<i>Celeus brachyurus</i>	QS	++	1,2
	XIV. Bộ Sẻ	PASSERIFORMES			
	18. Họ Nhạn	Hirundinidae			
32.	Nhạn bụng xám	<i>Hirundo daurica</i>	QS	++	3,4
	19. Họ Chia vôi	Motacillidae			
33.	Chia vôi núi	<i>Motacilla cinerea</i>	QS	++	2,3,4
34.	Chia vôi trắng	<i>Motacilla alba</i>	QS	++	2,3,4
	20. Họ Chào mào	Pycnonotidae			
35.	Chào mào	<i>Pycnonotus jocosus</i>	QS	+++	2,3,4
36.	Bông lau tai trắng	<i>Pycnonotus aurigaster</i>	QS	++	2,3,4
37.	Bông lau họng vạch	<i>Pycnonotus finlaysoni</i>	QS	++	2,3,4
38.	Cành cạch nhỏ	<i>Criniger propinqua</i>	QS	++	1,2,3,4
	21. Họ Chim xanh	Irenidae			
39.	Chim lam	<i>Irena puella</i>	QS	++	1,2,3
	22. Họ Bách thanh	Laniidae			
40.	Bách thanh	<i>Lanius schach</i>	QS	++	2,3,4
	23. Họ Chích chòe	Turdidae			
41.	Oanh cổ trắng	<i>Erithacus sibilans</i>	QS	++	1,2,3

HỘI NGHỊ KHOA HỌC TOÀN QUỐC VỀ SINH THÁI VÀ TÀI NGUYÊN SINH VẬT LẦN THỨ 4

TT	Tên khoa học	Tên phổ thông	Dạng thông tin	Độ phong phú	Phân bố
42.	Chích chòe	<i>Copsychus saularis</i>	QS	++	2,3,4
43.	Chích chòe nước trăn trắng	<i>Enicurus schistaceus</i>	QS	++	3,4
44.	Sẻ bụi đầu đen	<i>Saxicola torquata</i>	QS	++	1,2,3,4
	24. Họ Khướu	Timaliidae			
45.	Chuối tiêu đất	<i>Pellorneum tickelli</i>	QS	++	1,2,3
46.	Chích chạch má vàng	<i>Macronus gularis</i>	QS	+++	1,2,3
47.	Khướu đầu trắng	<i>Garrulax leucolophus</i>	QS	+++	1,2,3
48.	Khướu bạc má	<i>Garrulax chinensis</i>	QS	++	1,2
49.	Lách tách đầu nâu	<i>Alcippe brunnea</i>	QS	++	1,2,3,4
50.	Chích bụi rậm	<i>Cettia diphone</i>	QS	+++	1,2,3,4
51.	Chiền chiện đầu nâu	<i>Prinia rufescens</i>	QS	++	3,4
52.	Chích bông đuôi dài	<i>Orthotomus sutorius</i>	QS	+++	1,2,3,4
53.	Chích bông cánh vàng	<i>Orthotomus atrogularis</i>	QS	+++	1,2,3,4
54.	Chích ngực vàng	<i>Phylloscopus ricketti</i>	QS	+++	1,2,3
	25. Họ Đớp ruồi	Muscicapidae			
55.	Đớp ruồi nâu	<i>Muscicapa dauurica</i>	QS	++	1,2,3
56.	Đớp ruồi xanh xám	<i>Muscicapa thalassina</i>	QS	+++	1,2,3
57.	Đớp ruồi xanh gáy đen	<i>Hypothymis azurea</i>	QS	++	1,2,3
58.	Đớp ruồi xanh gáy đen	<i>Hypothymis azurea</i>	QS	++	1,2,3
59.	Rẻ quạt họng trắng	<i>Rhipidura albicollis</i>	QS	++	1,2,3,4
	26. Họ Bạc má	Paridae			
60.	Bạc má	<i>Parus major</i>	QS	++	1,2,3
	27. Họ Chim sâu	Dicaeidae			
61.	Chim sâu vàng lục	<i>Dicaeum concolor</i>	QS	+++	1,2,3,4
62.	Chim sâu ngực đỏ	<i>Dicaeum ignipectus</i>	QS	+++	2,3,4
	28. Họ Hút mật	Nectariniidae			
63.	Hút mật bụng hung	<i>Anthreptes singalensis</i>	QS	++	2,3,4
64.	Hút mật ngực đỏ	<i>Aethopyga saturata</i>	QS	++	2,3,4
65.	Bấp chuối mỏ dài	<i>Arachnothera longirostra</i>	QS	+++	2,3,4
	29. Họ Vành khuyên	Zosteropidae			
66.	Vành khuyên nhật bản	<i>Zosterops japonica</i>	QS	++	1,2,3
	30. Họ Chim di	Estrildidae			
67.	Di cam	<i>Lonchura striata</i>	QS	++	4
	31. Họ Sẻ đồng	Ploceidae			
68.	Sẻ đồng nâu xám	<i>Emberiza fucata</i>	QS	++	4
	32. Họ Sẻ	Psseridae			
69.	Sẻ nhà	<i>Passer montanus</i>	QS	+++	4
	33. Họ Sáo	Sturnidae			
70.	Sáo đá đầu trắng	<i>Sturnus sericeus</i>	QS	++	3,4
71.	Sáo mỏ ngà	<i>Acridotheres cristatellus</i>	QS	++	3,4

TT	Tên khoa học	Tên phổ thông	Dạng thông tin	Độ phong phú	Phân bố
	34. Họ Vàng anh	Oriolidae			
72.	Vàng anh trung quốc	<i>Oriolus chinensis</i>	QS,PV	++	2,3
	35. Họ Chèo bẻo	Dicruridae			
73.	Chèo bẻo	<i>Dicrurus macrocercus</i>	QS	++	1,2,3,4
74.	Chèo bẻo rừng	<i>Dicrurus aeneus</i>	QS	++	1,2,3,4
	36. Họ Quạ	Corvidae			
75.	Giê cùi	<i>Urocissa erythrorhyncha</i>	QS	++	1,2
76.	Choàng choạc xám	<i>Dendrocitta formosae</i>	QS	++	1,2
77.	Chim khách	<i>Crypsirina temia</i>	QS	++	1,2

Ghi chú: Dạng thông tin: QS: Quan sát; K: Kêu; PV: Điều tra phỏng vấn. Độ phong phú: +: Hiếm; ++: Ít; +++: Nhiều. Phân bố: 1. Rừng thứ sinh thường xanh trên núi đất; 2. Rừng thứ sinh cây bụi; 3. Sinh cảnh ven sông, suối; 4. Sinh cảnh làng bản, nương rẫy.

Bảng 2

Sự phân bố các taxon khác nhau trong các bộ

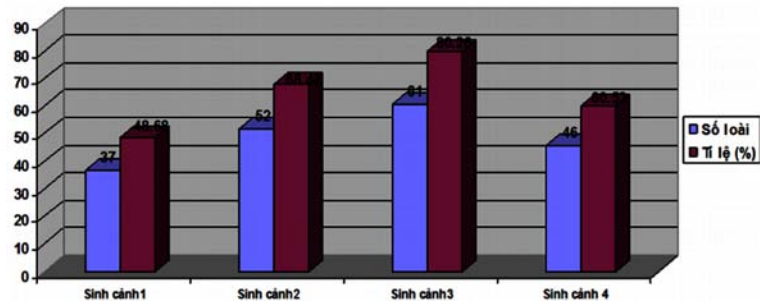
TT	Bộ	Họ	Loài
1.	Bộ Hạc Ciconiiformes	1	5
3.	Bộ Cắt Falconiformes	2	2
4.	Bộ Gà Galliformes	1	3
5.	Bộ Sếu Gruiformes	2	3
6.	Bộ Rẽ Charadriiformes	1	3
7.	Bộ Bò câu Columbiformes	1	2
8.	Bộ Vẹt Psittaciformes	1	1
9.	Bộ Cu cu Cuculiformes	1	4
10.	Bộ Cú Strigiformes	1	1
11.	Bộ Cú muỗi Caprimulgiformes	1	1
13.	Bộ Yến Apodidae	1	1
14.	Bộ Sả Coraciformes	2	3
15.	Bộ Gõ kiến Piciformes	2	2
16.	Bộ Sẻ Passeriformes	19	46
Tổng số		36	77

2. Độ phong phú và phân bố

Trong số 77 loài hiện có ở khu DTLS Mường Phăng, có 13 loài (17,10%) bắt gặp nhiều, 59 loài (77, 63%) bắt gặp ít và có 5 loài (6,57%) hiếm gặp. Điều này cho thấy tần suất bắt gặp các loài chim ở khu DTLS Mường Phăng là thấp, chứng tỏ khu hệ chim ở đây là nghèo nàn.

Dựa vào đặc điểm địa hình tự nhiên, tập tính hoạt động của các loài chim, chúng tôi đã thống kê và phân tích sự phân bố của các loài chim ở khu DTLS Mường Phăng theo 4 dạng sinh cảnh

chính. Kết quả cho thấy có sự phân bố của các loài chim không đồng đều ở 4 sinh cảnh khác nhau theo khu vực nghiên cứu. Số loài chim nhiều nhất ở sinh cảnh rừng ven sông, suối với 61 loài (chiếm 80,26 %); nhiều thứ hai ở sinh cảnh rừng thứ sinh cây bụi với 52 loài (chiếm 68,42 %);



Hình 1: Biểu đồ phân bố số lượng chim ở 4 dạng sinh cảnh

nhiều thứ ba ở sinh cảnh làng bản, nương rẫy với 46 loài (chiếm 60,52%) và ít nhất ở sinh cảnh rừng thứ sinh thường xanh trên núi đất với 37 loài (chiếm 48,68 %).

3. Hoạt động bảo tồn đa dạng sinh học khu hệ chim ở khu DTLS Mường Phăng

3.1. Các tác động tiêu cực đến khu hệ chim ở khu DTLS Mường Phăng

Toàn xã Mường Phăng có 33 bản, 1.628 hộ và 8.017 khẩu (tính đến tháng 12/2009). Tuy nhiên thuộc khu vực rừng DTLS Mường Phăng chỉ có bản Phăng, bản Tân Bình và bản Khá. Phần lớn các bản này là đồng bào các dân tộc thiểu số (Thái, Khơ Mú, H'mông) có đời sống còn nghèo, thiếu đất canh tác nên một phần vật chất cần thiết cho cuộc sống của họ được khai thác từ rừng của khu DTLS. Đó là các hoạt động khai thác trái phép gây mất ổn định cho sinh cảnh của các loài động vật. Đặc biệt, chăn thả gia súc tự do trong rừng như trâu, bò, lợn, dê,... gây ô nhiễm môi trường và suy thoái rừng.

Khu DTLS có vị trí giáp ranh với các huyện Tuần Giáo và các xã Ảng Cang, Pú Nhi. Địa hình núi cao hiểm trở rất khó tuần tra kiểm soát, sự xâm nhập của dân cư từ bên ngoài vào khu DTLS để săn bắt động vật và chặt trộm gỗ rất dễ dàng. Dân ở các bản xung quanh khu DTLS thường xuyên vào rừng lấy củi, ngay khu vực rừng cách hầm chỉ huy của Đại tướng Hoàng Văn Thái và Ban Tham mưu mặt trận hơn 200 m về phía Nam và Tây Nam.

3.2. Hoạt động quản lý bảo vệ của khu DTLS Mường Phăng

Ban Quản lý khu DTLS Mường Phăng được thành lập vài năm trở lại đây, trực thuộc Sở Văn hoá, thể thao và Du lịch Điện Biên. Hoạt động chủ yếu của Ban này là quản lý và phục vụ công tác du lịch di tích lịch sử của khu Sở chỉ huy chiến dịch Điện Biên Phủ. Hiện nay, Ban Quản lý có 3 cán bộ trong biên chế và 1-2 cán bộ hợp đồng. Gần đây dưới sự chỉ đạo của UBND huyện Điện Biên, xã Mường Phăng đã bổ sung lực lượng công an xã cùng với cán bộ của Ban Quản lý khu di tích tổ chức đi kiểm tra rừng thuộc khu vực quản lý của khu di tích. Nhưng có lẽ, sự kiểm tra không được thường xuyên hàng ngày, hiện tượng chặt cây lấy củi và chặt trộm gỗ vì thế vẫn xảy ra. Tuy nhiên, bước đầu khu di tích lịch sử đã có sự quản lý không những về các di tích lịch sử mà còn có sự quản lý bảo vệ rừng. Những hiện tượng khai thác trái phép, sử dụng bất hợp lý tài nguyên rừng chắc chắn thời gian tới sẽ được kiểm soát tốt hơn.

III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận: Qua khảo sát ở khu DTLS Mường Phăng, đã ghi nhận được 77 loài chim thuộc 36 họ, 16 bộ; Khu hệ chim nghèo nàn cả về cấu trúc thành phần loài và số lượng cá thể của các loài. Không có loài chim nào được ghi nhận ở khu DTLS có trong Sách Đỏ Việt Nam (2007), Danh lục Đỏ IUCN (2010) và Nghị định số 32/2006/NĐ-CP.

Các đe dọa đối với khu hệ chim ở khu DTLS Mường Phăng bao gồm: Tình trạng khai thác lâm sản (gỗ, tre, măng, nấm,...), lấy củi, chăn thả gia súc (trâu, bò, dê) gây nhiễu loạn môi trường sống của các loài chim trong khu vực khu DTLS.

2. Kiến nghị: Nên thành lập Khu Bảo tồn thiên nhiên, văn hoá và cảnh quan Mường Phăng, trong đó bao gồm khu vực hồ Pa Khoang và khu Di tích lịch sử Mường Phăng. Tuy nhiên phải bảo tồn và phát triển hệ thực vật đang có ở khu di tích, tương lai nên mở rộng diện tích thảm rừng ra xung quanh, nhất là phía giáp với Ảng Càng.

Không nên để những người dân địa phương hàng ngày bán hàng cho khách du lịch tại khu DTLS các loại sản phẩm lấy từ cây trong rừng, cho dù lấy ở rừng nơi khác mang về khu DTLS để bán. Nên chăng các thứ hàng bán cho du khách làm lưu niệm là hàng thủ công mỹ nghệ như quần áo thổ cẩm, một số hàng mây tre đan có nguồn gốc của địa phương.

Nhanh chóng nâng cao hơn nữa về năng lực quản lý bảo tồn cho Ban Quản lý khu di tích. Trước mắt tỉnh cần thành lập ngay một Trạm Kiểm lâm tại khu DTLS trực thuộc hạt kiểm lâm huyện nhằm chặn đứng ngay nạn chặt trộm gỗ ở khu DTLS. Tăng cường hơn nữa công tác giáo dục và tuyên truyền người dân xung quanh không lấy củi và thả rông trâu, bò, lợn, dê vào rừng khu DTLS.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Bộ KH & CN, Viện KHCNVN**, 2007: Sách Đỏ Việt Nam, tập 1. NXB. KHTN & CN, Hà Nội.
2. **King B.F., E.C. Dickson, M.W. Woodcock**, 1975: A field guide to the birds of South-East Asia. Colline, London, 480 pp.
3. **IUCN**, 2010: IUCN Red List of Threatened Animals, redlist.org.
4. **Nguyễn Cử, Lê Trọng Trái, Karen Phillipps**, 2000: Chim Việt Nam. NXB. Lao động - Xã hội, Hà Nội, 250 tr.
5. **Rhichard H., A. Moore**, 1991: A complete checklist of the birds of the world, 2nd ed. London, pp. 4-641.
6. **Robson C.R.**, 2000: A field guide to the birds of Thailand and South-East Asia. Bangkok.
7. **Võ Quý, Nguyễn Cử**, 1995: Danh lục chim Việt Nam. NXB. KHKT, Hà Nội, 119 tr.

AVIFAUNAL SURVEY OF THE HISTORICAL VESTIGE SITE MUONG PHANG, DIEN BIEN DISTRICT, DIEN BIEN PROVINCE

LE DINH THUY

SUMMARY

The surveys on the avifauna of Muong Phang historical vestige site, Dien Bien District, Dien Bien Province were carried out in May, August and October 2010. 77 bird species belonging to 36 families and 16 orders were recorded.

The number of bird species was analyzed at four different habitat types. The number of bird species in the scrub forest on the banks of rivers and streams is 61 (80.26% of the total number of species); secondary and scrub forest is 52 (68.42%); settlement and agricultural land is 46 (60.52%); evergreen secondary forest is 37 (48.68%).

The paper provides recommendations on establishing one reserve area that would include Pa Khoang lake and Muong Phang historical vestige site.